

HLB International

AAC

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM

BƯU ĐIỆN

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 6 |
| 3. Báo cáo kiểm toán | 7 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 | 8 - 12 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2009 | 13 - 16 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2009 | 17 - 18 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 | 19 - 49 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện và các công ty con, lợi ích của Công ty và Công ty con tại các công ty liên kết đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện hoạt động theo Giấy phép thành lập số 3633/GP-UB, ngày 01 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội với thời gian hoạt động là 25 năm. Vốn điều lệ theo Giấy phép lần đầu của Công ty là 70 tỷ đồng Việt Nam.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 41AGP/KDBH ngày 01/02/2007 chấp thuận vốn điều lệ của Công ty là 105 tỷ đồng, thay thế Giấy phép ban đầu theo Luật Kinh doanh bảo hiểm, và Giấy phép số 41A/GPDDC1/KHBH ngày 21/04/2008 chấp thuận vốn điều lệ của Công ty là 300 tỷ đồng Việt nam.

Vốn điều lệ 300.000.000.000 VND

Trong đó

| Cổ đông | Vốn góp (VND) | Tỷ lệ (%) |
|---|------------------------|----------------|
| Cổ đông sáng lập | 187.824.000.000 | 62,60% |
| Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | 108.486.000.000 | 36,16% |
| Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh | 26.460.000.000 | 8,82% |
| Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam | 21.168.000.000 | 7,06% |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam | 10.584.000.000 | 3,53% |
| Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam | 5.292.000.000 | 1,76% |
| Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội | 5.292.000.000 | 1,76% |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông | 5.292.000.000 | 1,76% |
| Công ty Tài chính Bưu điện | 5.250.000.000 | 1,75% |
| Cổ đông khác | 112.176.000.000 | 37,40% |
| Cộng | 300.000.000.000 | 100,00% |

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 043 772 4466

Fax : 043 772 4460

Mã số thuế : 0100774631

Các đơn vị trực thuộc:

| | Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|------------------------|---|
| 1 | Chi nhánh Hồ Chí Minh | Số 6-8-10 Lô C7 đường Phan Xích Long Phường 7, quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh |
| 2 | Chi nhánh Đà Nẵng | 213-215 Nguyễn Văn Linh, Phường Thạch Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng |
| 3 | Chi nhánh Hải Phòng | Tầng 7 Tòa nhà Trung tâm Thương mại, số 22 Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng |
| 4 | Chi nhánh Cần Thơ | 2A1 Đường 30/4, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ |
| 5 | Chi nhánh Bắc Trung bộ | 26 Nguyễn Thái Học, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

| | Tên đơn vị | Địa chỉ |
|----|----------------------------------|--|
| 6 | Chi nhánh khu vực Phía Bắc | 146 Đường Nguyễn Tất Thành, Trương Vương, Thành Phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ |
| 7 | Chi nhánh Đồng Nai | Số R78, Võ Thị Sáu nối dài, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai |
| 8 | Chi nhánh Tây Nguyên | 27 Trần Khánh Du, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk |
| 9 | Chi nhánh Nam Trung bộ | Số 12E đường Hoàng Hoa Thám, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa |
| 10 | Chi nhánh Cà Mau | 43 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau |
| 11 | Chi nhánh Bình Định | Tầng 4 số 2 Trần Thị Kỳ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |
| 12 | Chi nhánh Bình Dương | Số 445- Tổ 16 khu 1, Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Cường, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương |
| 13 | Chi nhánh Quảng Ninh | 156B tầng 3 tòa nhà Đại Hải, Lê Thánh Tông, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |
| 14 | Chi nhánh Thanh Hóa | Lô 29, khu tầng 4, Đường Bà Triệu, Phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hóa |
| 15 | Chi nhánh Khu vực Bình Trị Thiên | Tầng 2, toà nhà 51 Hai Bà Trưng, Thành phố Huế |
| 16 | Hội sở Giao dịch tại Hà Nội | 100 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội |
| 17 | Chi nhánh An Giang | Số 5/2 Đường Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang |
| 18 | Chi nhánh Long An | Số 113 Hùng Vương, Phường 2, Thị xã Tân An, Tỉnh Long An |
| 19 | Chi nhánh Vĩnh Phúc | Số 2, đường Ngô Quyền, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |
| 20 | Chi nhánh Sài Gòn | Số 216 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh |
| 21 | Chi nhánh Bắc Ninh | 16 đường Lý Thái Tổ, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. |
| 22 | Chi nhánh Lào Cai | Số 12, Đường Hoàng Liên, Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai |

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ.

Các nghiệp vụ được phép kinh doanh:

- Kinh doanh bảo hiểm gốc:
 - Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;
 - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
 - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không;
 - Bảo hiểm trách nhiệm chung;
 - Bảo hiểm xe cơ giới;
 - Bảo hiểm cháy, nổ;
 - Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.
- Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Giám định tổn thất.
- Đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ 3 bồi hoàn.
- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ | Lĩnh vực kinh doanh | Tỷ lệ vốn góp theo cam kết |
|--|---|---|----------------------------|
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Thành Tâm | Số 14 Đinh Công Tráng, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An | Khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền | 80% |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam | Tầng 3 Số 157 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội | Đại lý mua bán, phân phối các sản phẩm dầu thô, xăng dầu, khí đốt, dầu nhớt và các sản phẩm hóa dầu; Sản xuất, chế biến các sản phẩm xăng dầu, khí đốt; pha chế dầu nhớt các sản phẩm hóa dầu, gas, chiết nạp gas; tái chế phế phẩm từ xăng dầu;... | 51% |

Các công ty liên kết

| Tên công ty | Địa chỉ | Lĩnh vực kinh doanh | Tỷ lệ vốn góp theo cam kết |
|---|---|--|----------------------------|
| Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện | Tầng 5 Lô 18 Khu Đô Thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội | Kinh doanh và cho thuê bất động sản, văn phòng làm việc, căn hộ, nhà ở, khách sạn, nhà hàng, ki ốt, trung tâm thương mại, siêu thị,... | 49,00% |
| Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử (KASATI) | 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh | Sản xuất lắp ráp thiết bị viễn thông điện tử tin học. | 21,27% |
| Công ty Cổ phần IBS Việt Nam | Số 9 ngách 67 ngõ Góc Đê, Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội | Thiết kế, thi công công trình mạng lưới thông tin, bưu chính viễn thông. | 20,00% |

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Đại hội cổ đông thường niên Công ty được tổ chức ngày 28 tháng 4 năm 2009 đã phê chuẩn phương án tăng vốn điều lệ của Công ty lên 450 tỷ đồng. Trong năm 2010 Công ty đang tiến hành các thủ tục phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 450 tỷ theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 8 đến trang 49).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----------------------|--------------|----------------------|----------------------|
| Ông Đỗ Ngọc Bình | Chủ tịch | 30 tháng 06 năm 2006 | |
| Ông Phạm Anh Tuấn | Ủy viên | 30 tháng 11 năm 2007 | |
| Ông Hồ Công Trung | Ủy viên | 28 tháng 04 năm 2009 | |
| Ông Mai Xuân Dũng | Ủy viên | 28 tháng 04 năm 2009 | |
| Ông Hàn Ngọc Vũ | Ủy viên | 28 tháng 04 năm 2009 | |
| Ông Trịnh Quang Tuyền | Phó Chủ tịch | 19 tháng 07 năm 2008 | 28 tháng 04 năm 2009 |
| Ông Trịnh Văn Tuấn | Ủy viên | 30 tháng 11 năm 2007 | 28 tháng 04 năm 2009 |

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-------------------------|------------|----------------------|-----------------|
| Ông Nguyễn Quốc Kế | Trưởng Ban | 28 tháng 06 năm 2005 | |
| Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng | Thành viên | 12 tháng 06 năm 2002 | |
| Ông Đỗ Anh Tuấn | Thành viên | 28 tháng 06 năm 2005 | |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-------------------------|-------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Phạm Anh Tuấn | Q. Tổng Giám đốc | 23 tháng 10 năm 2007 | |
| Ông Nguyễn Đức Bình | Phó Tổng Giám đốc | 01 tháng 01 năm 2008 | |
| Bà Trần Thị Minh | Phó Tổng Giám đốc | 01 tháng 01 năm 2008 | |
| Ông Nguyễn Trường Giang | Phó Tổng Giám đốc | 16 tháng 09 năm 2008 | |
| Ông Nguyễn Bá Ngọc | Phó Tổng Giám đốc | 01 tháng 09 năm 2007 | 01 tháng 09 năm 2009 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

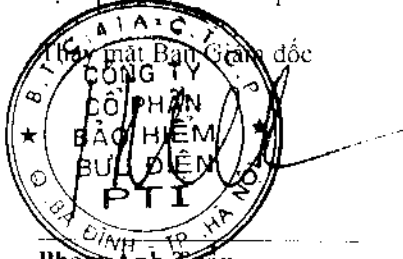
Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và Chế độ kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm (ban hành kèm theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CDKT ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ Tài chính, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, Chế độ kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm (ban hành kèm theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ Tài chính, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 hiêm của Bộ Tài chính) và các qui định pháp lý có liên quan.



Phạm Anh Tuấn

Q. Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 04 năm 2010



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Đông Khởi St., District 1, Hochiminh City - Tel: (08) 38272 295 - Fax: (84-81) 3 8272 301
 Branch in Hanoi : 40 Giảng Võ St., Dong Da District, Ha Noi City - Tel: (04) 37367 879 - Fax: (84-4) 3 7367 869
 Branch in Nha Trang-Khánh Hòa : 18 Trần Khánh Dư St., Nha Trang City - Tel: (058) 3876 555 - Fax: (84-58) 3 875 327
 Branch in Can Tho : 362C Trần Ngọc Quế St., Ninh Kiều District, Can Tho City - Tel: (071) 03764 995 - Fax: (84-71) 03764 996

www.auditcs.com.vn

Số: 0425/2010/BCTC-KTTV-KTI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện và các Công ty con gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 05 tháng 04 năm 2010, từ trang 8 đến trang 49 kèm theo.

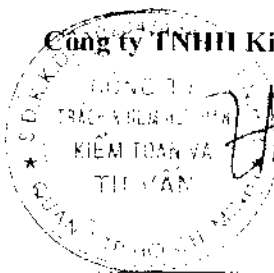
Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện và các Công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, Chế độ kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm (ban hành kèm theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CDKT ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ Tài chính, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính) và các qui định pháp lý khác có liên quan.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Thị Hồng Thanh – Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0053 KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2010

Hoàng Thị Viêt

Hoàng Thị Viêt - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0374 KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 665.504.949.494 | 610.903.772.222 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 99.497.839.316 | 45.807.848.045 |
| 1. Tiền | 111 | | 39.397.839.316 | 45.807.848.045 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 60.100.000.000 | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.2 | 386.663.251.932 | 426.496.989.048 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 387.401.286.119 | 428.811.709.422 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | (738.034.187) | (2.314.720.374) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 164.246.934.676 | 132.015.517.909 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.3 | 112.504.504.538 | 82.477.287.468 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.4 | 29.661.397.268 | 13.852.228.769 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.5 | 36.141.969.214 | 48.209.911.942 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.6 | (14.060.936.344) | (12.523.910.270) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 8.584.068.115 | 818.463.395 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 8.584.068.115 | 818.463.395 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 6.512.855.455 | 5.764.953.825 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8 | 405.912.343 | 508.003.549 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 1.056.738.481 | 1.066.397.974 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | V.9 | 216.546.915 | 280.621.254 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.10 | 4.833.657.716 | 3.909.931.048 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 348.343.347.878 | 268.922.835.397 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 81.189.533.887 | 66.261.253.086 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.11 | 24.287.216.353 | 10.160.310.542 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 48.309.375.582 | 31.892.585.810 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (24.022.159.229) | (21.732.275.268) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.12 | 53.695.567.799 | 52.986.204.000 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 53.962.204.000 | 53.252.204.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (266.636.201) | (266.000.000) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.13 | 3.206.749.735 | 3.114.738.544 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 249.815.794.449 | 186.241.148.337 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | V.14 | 67.264.594.580 | 32.068.181.397 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.15 | 182.923.311.402 | 154.172.966.940 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | V.16 | (372.111.533) | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 17.338.019.542 | 16.420.433.974 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.17 | 5.974.500.960 | 5.865.104.595 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | V.18 | 11.363.518.582 | 10.555.329.379 |
| VI. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.013.848.297.372 | 879.826.607.619 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 524.596.640.430 | 400.101.213.996 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 106.867.359.334 | 78.689.968.331 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.19 | 5.117.333.332 | - |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.20 | 57.352.437.550 | 36.119.563.476 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.21 | 3.521.805.405 | 1.542.604.386 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.22 | 15.073.994.250 | 19.209.550.537 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 16.309.151.259 | 14.249.755.349 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.23 | 1.111.496.180 | 33.843.785 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.24 | 8.381.141.358 | 7.534.650.798 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 1.607.716.893 | 792.630.187 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | 399.309.136 | 395.309.136 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.25 | 660.933.335 | - |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | V.26 | 547.474.422 | 397.321.051 |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| III. Dự phòng nghiệp vụ | 340 | V.27 | 416.124.564.203 | 320.618.615.478 |
| 1. Dự phòng phí | 341 | | 182.270.341.549 | 131.167.920.161 |
| 3. Dự phòng bồi thường | 343 | | 107.685.527.549 | 74.513.005.145 |
| 4. Dự phòng dao động lớn | 344 | | 126.165.695.105 | 114.937.690.172 |
| 5. Dự phòng chia lãi | 345 | | - | - |
| 6. Dự phòng đảm bảo cân đối | 346 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 483.890.734.250 | 477.666.698.596 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.28 | 483.538.416.347 | 474.791.194.310 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 114.375.000.000 | 114.375.000.000 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | (201.068.212) | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | (190.538.338) | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 14.937.483.028 | 14.517.639.731 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ dự trữ bắt buộc | 419 | | 12.044.101.089 | 9.808.402.445 |
| 10. Quỹ dự trữ tự nguyện | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 42.573.438.780 | 36.090.152.134 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 352.317.903 | 2.875.504.286 |
| 1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 431 | | 352.317.903 | 2.875.504.286 |
| 2. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | V.29 | 5.360.922.691 | 2.058.695.027 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.013.848.297.372 | 879.826.607.619 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

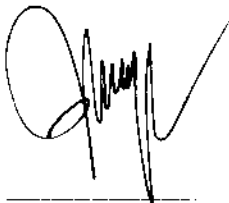
Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

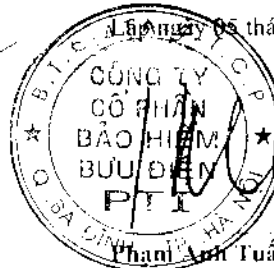
| CHỈ TIÊU | Thuyết | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------|-----------------|-----------------|
| | minh | | |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | | |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | | |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | | |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | | |
| 5. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm | | 152.678.686.663 | 139.066.275.404 |
| 6. Hợp đồng nhận tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm | | | |
| 7. Hợp đồng nhượng tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm | | | |
| 8. Ngoại tệ các loại: | | | |
| Dollar Mỹ (USD) | | 10.094,73 | 94.988,80 |
| Euro (EUR) | | 129.411,07 | 3.339,23 |
| Bang Anh (£) | | 392,74 | 19.055,11 |
| 9. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | | |



Bùi Thị Thúy
Người lập biểu



Đỗ Quang Khánh
Kế toán trưởng



Thái Anh Tuấn
Q. Tổng Giám đốc

Lập ngày 05 tháng 04 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2009

PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

| CHI TIẾT | Mã số | Thuyết minh | | |
|--|-------|-------------|-----------------|------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Thu phí bảo hiểm gốc | 01 | | 455.026.081.143 | 443.664.486.058 |
| 2. Thu phí nhận tái bảo hiểm | 02 | | 38.049.341.544 | 36.903.215.542 |
| 3. Các khoản giảm trừ (03 = 04 + 05 + 06 + 07) | 03 | | 118.808.591.593 | 206.759.969.177 |
| Phí nhượng tái bảo hiểm | 04 | | 112.859.269.928 | 196.918.738.978 |
| Giảm phí bảo hiểm | 05 | | - | - |
| Hoàn phí bảo hiểm | 06 | | 5.949.321.665 | 9.841.230.199 |
| Các khoản giảm trừ khác | 07 | | - | - |
| 4. Tăng (giảm) dự phòng phí, dự phòng toán học | 08 | | 51.102.421.388 | 16.724.507.979 |
| 5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm | 09 | | 27.874.904.192 | 34.818.923.585 |
| 5. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=11+12+13) | 10 | | 3.525.129.787 | 12.651.515.275 |
| Thu nhận tái bảo hiểm | 11 | | - | 216.000 |
| Thu nhượng tái bảo hiểm | 12 | | - | - |
| Thu khác | 13 | | 3.525.129.787 | 12.651.299.275 |
| 6. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01 + 02 - 03 - 08 + 09 + 10) | 14 | | 354.564.443.685 | 304.553.663.304 |
| 7. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác | 14B | VI.1 | 64.808.076.682 | - |
| 8. Chi bồi thường Bảo hiểm gốc, trả tiền bảo hiểm | 15 | | 124.063.815.066 | 148.552.152.155 |
| 9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm | 16 | | 17.015.773.908 | 18.220.849.735 |
| 10. Các khoản giảm trừ (17=18+19+20) | 17 | | 22.346.062.248 | 19.782.921.017 |
| Thu bồi thường nhượng Tái bảo hiểm | 18 | | 21.691.074.303 | 12.535.053.936 |
| Thu đòi người thứ ba bồi hoàn | 19 | | 350.973.559 | 7.247.867.081 |
| Thu hàng đã xử lý bồi thường 100% | 20 | | 304.014.386 | - |
| 11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21 = 15 + 16 - 17) | 21 | | 118.733.526.726 | 146.990.080.873 |
| 12. Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn | 22 | | - | - |
| 13. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường | 23 | | 33.172.522.404 | (11.095.372.099) |
| 14. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm | 24 | | 11.228.004.933 | 8.214.232.442 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| 15. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (25 = 26 + 34 + 39 + 40) | 25 | | 53.912.896.003 | 42.843.262.631 |
| Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc (26 = 27 + 28 + 29 + 30 + 31 + 32 + 33) | 26 | | 43.673.187.191 | 27.754.267.235 |
| - Chi hoa hồng | 27 | | 31.989.483.389 | 19.972.156.134 |
| - Chi giám định tổn thất | 28 | | 2.783.334.125 | 2.624.648.342 |
| - Chi đòi người thứ 3 | 29 | | 1.250.000 | - |
| - Chi xử lý hàng bồi thường 100% | 30 | | 700.000 | 4.060.909 |
| - Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm | 31 | | 147.034.500 | 45.591.020 |
| - Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất | 32 | | 7.213.248.129 | 4.838.361.596 |
| - Chi khác | 33 | | 1.538.137.048 | 269.449.234 |
| Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm (34 = 35 + 36 + 38) | 34 | | 9.136.577.430 | 8.665.844.043 |
| + Chi hoa hồng | 35 | | 8.639.434.632 | 8.399.161.059 |
| + Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm | 36 | | - | - |
| + Chi khác | 38 | | 497.142.798 | 266.682.984 |
| Chi hoạt động nhượng tái bảo hiểm | 39 | | 1.103.131.382 | 6.423.151.353 |
| Chi phí trực tiếp kinh doanh hoạt động khác | 40 | | - | - |
| 16. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41 = 21 - 22 + 23 + 24 + 25) | 41 | | 217.046.950.066 | 186.952.203.847 |
| 17. Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác | 41B | VI.2 | 60.221.362.241 | - |
| 18. Lợi nhuận gộp (42 = 14 + 14B - 41 - 41B) | 42 | | 142.104.208.060 | 117.601.459.457 |
| 19. Chi phí bán hàng | 43 | VI.3 | 11.320.354.428 | 6.362.214.469 |
| 20. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 44 | VI.4 | 133.985.485.703 | 116.764.049.282 |
| 21. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (45 = 42 - 43 - 44) | 45 | | (3.201.632.071) | (5.524.804.294) |
| 22. Doanh thu hoạt động tài chính | 46 | VI.5 | 81.848.104.600 | 69.354.742.302 |
| 23. Chi phí hoạt động tài chính | 47 | VI.6 | 20.589.594.974 | 6.128.972.866 |
| 24. Lợi nhuận hoạt động tài chính (51 = 46 - 47) | 51 | | 61.258.509.626 | 63.225.769.436 |
| 25. Thu nhập khác | 52 | VI.7 | 404.501.575 | 671.241.223 |
| 26. Chi phí khác | 53 | VI.8 | 21.945.586 | 135.979.097 |
| 27. Lợi nhuận khác (54 = 52 - 53) | 54 | | 382.555.989 | 535.262.126 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

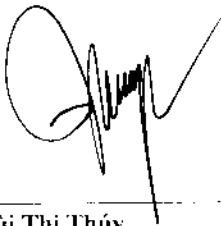
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| 28. Lợi nhuận (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh | 55 | | 4.877.516.619 | (3.528.518.603) |
| 29. Tổng lợi nhuận kế toán (56 = 45 + 51 + 54 + 55) | 56 | | 63.316.950.163 | 54.707.708.665 |
| 30. Dự phòng đảm bảo cân đối | 58 | | - | - |
| 31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 60.1 | | 13.653.386.491 | 15.499.096.029 |
| 32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 60.2 | | - | - |
| 33. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (61 = 56 - 58 - 60.1 - 60.2) | 61 | | <u>49.663.563.672</u> | <u>39.208.612.636</u> |
| 34. Lợi ích của cổ đông thiểu số | 61.1 | | 530.799.093 | 3.621.197 |
| 35. Lợi nhuận sau thuế của Công ty | 61.2 | | 49.132.764.579 | 39.204.991.439 |
| 36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 62 | VL9 | <u>1.638</u> | <u>1.625</u> |

Lập ngày 05 tháng 04 năm 2010


Bùi Thị Thúy
Người lập biểu

Đỗ Quang Khánh
Kế toán trưởngPhạm Anh Tuấn
Q. Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)**PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính VND

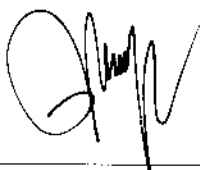
| Chỉ tiêu | Mã số | Số còn phải nộp đầu kỳ | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số còn phải nộp cuối kỳ |
|---|-----------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|
| I. Thuế (10 = 11 + 12 + 13 + 14 + 15 + 16 + 17 + 18 + 19) | 10 | 18.928.929.283 | 44.873.367.032 | 48.944.848.980 | 14.857.447.335 |
| 1. Thuế GTGT hàng bán nội địa | 11 | 4.150.136.162 | 29.585.540.050 | 30.164.011.436 | 3.571.664.776 |
| 2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu | 12 | - | - | - | - |
| 3. Thuế tiêu thụ đặc biệt | 13 | - | - | - | - |
| 4. Thuế xuất, nhập khẩu | 14 | - | - | - | - |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp (*) | 15 | 12.417.597.658 | 13.653.386.491 | 15.778.865.658 | 10.292.118.491 |
| 6. Thuế thu nhập cá nhân | 16 | 2.361.195.463 | 1.589.489.130 | 2.964.155.960 | 986.528.633 |
| 7. Thuế tài nguyên | 17 | - | - | - | - |
| 8. Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 18 | - | - | - | - |
| 9. Các loại thuế khác | 19 | - | 44.951.361 | 37.815.926 | 7.135.435 |
| <i>Thuế môn bài</i> | 20 | - | 29.750.000 | 32.750.000 | 3.000.000 |
| <i>Thuế nhà thầu</i> | 21 | - | 15.201.361 | 5.065.926 | 10.135.435 |
| II. Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (30 = 31 + 32 + 33) | 30 | - | 600.000 | 600.000 | - |
| 1. Các khoản phụ thu | 31 | - | - | - | - |
| 2. Các khoản phí, lệ phí | 32 | - | 600.000 | 600.000 | - |
| 3. Các khoản khác | 33 | - | - | - | - |
| Tổng cộng (40=10+30) | 40 | 18.928.929.283 | 44.873.967.032 | 48.945.448.980 | 14.857.447.335 |

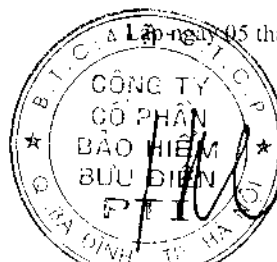
Tổng số thuế còn phải nộp năm trước chuyển sang năm nay

18.928.929.283

Trong đó: Thuế Thu nhập doanh nghiệp

12.417.597.658


Bùi Thị Thúy
Người lập biểu

Đỗ Quang Khánh
Kế toán trưởngPhạm Anh Tuấn
Q. Tổng Giám đốc

Lập ngày 05 tháng 04 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-----------|-------------|------------------------------|---------------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền từ thu phí và hoa hồng (thu phí Bảo hiểm gốc, phí nhận tái, hoa hồng nhượng tái) | 01 | | 537.070.007.565 | 489.472.580.403 |
| 2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi (thu bồi thường nhượng tái, thu đòi người thứ 3, thu hàng xử lý 100%) | 02 | | 14.496.384.142 | 16.141.968.697 |
| 3. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh khác | 03 | | 63.367.422.147 | |
| 4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm (bồi thường gốc, bồi thường nhận tái) | 04 | | (158.466.981.218) | (168.833.867.754) |
| 5. Trả tiền phí nhượng tái, hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm | 05 | | (208.493.155.762) | (228.011.154.387) |
| 6. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ | 06 | | (101.186.462.963) | (73.432.812.567) |
| 7. Tiền chi trả cho người lao động | 07 | | (59.363.889.368) | (50.283.463.456) |
| 8. Tiền chi trả lãi vay | 08 | | (297.413.485) | - |
| 9. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 09 | | (15.778.865.658) | (5.583.244.023) |
| 10. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 10 | | 8.046.773.154 | 3.436.459.286 |
| 11. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 11 | | (41.772.611.102) | (10.803.696.880) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i> | <i>20</i> | | <u><i>37.621.207.452</i></u> | <u><i>(27.897.230.681)</i></u> |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (17.439.961.595) | (8.669.259.289) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 381.722.727 | 308.363.636 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (580.314.788.333) | (1.547.689.598.868) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 631.030.330.697 | 1.199.435.922.505 |
| 5. Tiền chi góp vốn vào các đơn vị khác | 25 | | (52.092.500.000) | (53.695.626.170) |
| 6. Tiền thu hồi góp vốn vào các đơn vị khác | 26 | | | |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia | 27 | | 60.039.520.500 | 55.367.090.699 |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i> | <i>30</i> | | <u><i>41.604.323.996</i></u> | <u><i>(354.943.107.487)</i></u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

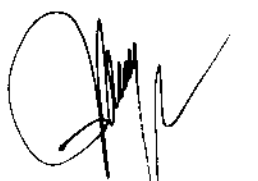
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

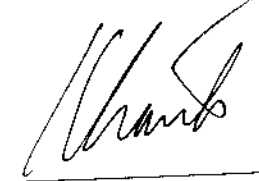
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số tiền | |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | 309.375.000.000 |
| 2. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông thiểu số | 31B | | 2.800.000.000 | |
| 3. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | (201.068.212) | |
| 4. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 11.677.600.000 | |
| 5. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (5.899.333.333) | |
| 6. Tiền chi trả nợ thuế tài chính | 35 | | - | |
| 7. Cô tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (33.870.170.709) | (14.430.737.890) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (25.492.972.254) | 294.944.262.110 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 53.732.559.194 | (87.896.076.058) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 45.807.848.045 | 133.944.827.776 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (42.567.923) | (240.903.673) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 99.497.839.316 | 45.807.848.045 |

Lập ngày 05 tháng 04 năm 2010



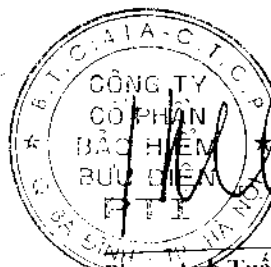
Bùi Thị Thúy
Người lập biểu



Đỗ Quang Khánh
Kế toán trưởng



Phạm Anh Tuấn
Q. Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2009

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện và các công ty con và lợi ích của Công ty tại các công ty liên kết.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Bảo hiểm phi nhân thọ

3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm :

Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật;

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Đại hội cổ đông thường niên Công ty được tổ chức ngày 28 tháng 4 năm 2009 đã phê chuẩn phương án tăng vốn điều lệ của Công ty lên 450 tỷ đồng. Trong năm 2010 Công ty đang tiến hành các thủ tục phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

5. Công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ theo cam của Công ty kết | |
|--|---|--|---------------|
| | | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ lợi ích |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Thành Tâm | Tầng 2, số nhà 14, đường Đinh Công Tráng, TP Vinh, tỉnh Nghệ An. | 80% | 66,06% |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam | Tầng 3 Số 157 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội | 51% | 56,04% |

6. Công ty liên kết

| Tên công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ theo cam của Công ty kết | |
|---|---|--|---------------|
| | | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ lợi ích |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện | Tầng 5 Lô 18 Khu Đô Thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội | 49,00% | 92,08% |
| Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử (KASATI) | 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh | 21,27% | 21,30% |
| Công ty Cổ phần IBS Việt Nam | Số 9 ngách 67 ngõ Gốc Đẻ, Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội | 20,00% | 71,81% |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm tài chính thứ 13 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CDKT ngày 31 tháng 12 năm 1996, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trị giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ tính từ ngày phát hành hóa đơn thu phí bảo hiểm.

Tỷ lệ áp dụng trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tỷ lệ quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (liếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| Nhóm TSCĐ | Số năm |
|--------------------------|--------|
| Máy móc thiết bị | 5 - 7 |
| Phương tiện vận tải | 6 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 3 |
| TSCĐ khác | 3 - 5 |

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 03 năm.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí phát triển mạng lưới đại lý qua các Bưu điện tỉnh

Chi phí phát triển mạng lưới đại lý qua các Bưu điện tỉnh được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ 2 năm; Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ 1 năm.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Bao gồm các khoản các khoản đầu tư chứng khoán với mục đích mua vào, bán ra để kiếm lời, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay mà thời hạn thu hồi không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc niên độ.

Đầu tư tài chính dài hạn

Bao gồm các khoản đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, góp vốn vào đơn vị khác, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay... mà thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm kể từ ngày kết thúc niên độ.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm: Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường và dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2007 của Chính Phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp Bảo hiểm và doanh nghiệp Môi giới bảo hiểm.

Năm 2009, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện đã được Bộ Tài chính chấp thuận Phương pháp trích lập dự phòng các nghiệp vụ bảo hiểm tại Công văn số 13120/BTC-BH ngày 03 tháng 11 năm 2008.

Cụ thể phương pháp trích lập các quỹ dự phòng như sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng

Phương pháp trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không: bằng 25% của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: bằng 50% của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc năm tài chính của các nghiệp vụ bảo hiểm này.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường được Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh và phần trách nhiệm giữ lại của Công ty. Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo do Công ty đánh giá rằng các số liệu về dự phòng bồi thường chưa thông báo (nếu có) là không trọng yếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong năm tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm. Mức trích lập trong năm 2009 đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ bảo hiểm là 3% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn việc thực hiện chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2007 về việc quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm phải trích lập dự phòng dao động lớn.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Quỹ dự trữ bắt buộc để bổ sung vốn điều lệ và bảo đảm khả năng thanh toán. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích hàng năm theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% mức vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Năm 2009, Công ty đã áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp” thay cho chính sách kế toán đã áp dụng trong các năm trước theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NIẾT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2009 là:

| |
|-------------------|
| 17.941,00 VND:USD |
| 25.723,81 VND:EUR |
| 28.998,04 VND:GBP |

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được hạch toán khi phát sinh trách nhiệm của doanh nghiệp đối với bên mua bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (2) Có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (3) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thỏa thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thỏa thuận

Doanh thu bán hàng hóa

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm tài chính được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Chi phí hoa hồng được ghi nhận trên cơ sở phí bảo hiểm thực thu.

Các khoản chi phí khác được ghi nhận theo số thực tế phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

Tái bảo hiểm cố định

Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi các bảng thanh toán định kỳ (thường là hàng quý) được gửi tới hoặc nhận được từ các công ty nhận tái hoặc nhượng tái bảo hiểm, cụ thể:

- Đối với các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm: thu nhập và chi phí được ghi nhận khi các bảng thanh toán được lập và được bên nhận tái bảo hiểm xác nhận.
- Đối với các hợp đồng nhận tái bảo hiểm: thu nhập và chi phí được ghi nhận khi Công ty xác nhận các bảng thanh toán từ bên nhượng tái bảo hiểm.

Do việc nhận/gửi các bảng thanh toán của kỳ này thường được thực hiện trong kỳ tiếp theo nên có sự chênh lệch giữa thời điểm giao dịch phát sinh và thời điểm hạch toán thu nhập, chi phí.

Tái bảo hiểm tạm thời

- Đối với các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm: thu nhập và chi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và bảng kê thanh toán có xác nhận của bên nhận tái (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) đến nhà nhận tái bảo hiểm.
- Đối với các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm: thu nhập và chi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và Công ty xác nhận bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ nhà nhượng tái bảo hiểm.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 3.328.148.018 | 3.000.035.914 |
| Tiền gửi ngân hàng | 35.290.191.298 | 42.807.812.131 |
| Tiền đang chuyển | 779.500.000 | - |
| Các khoản tương đương tiền ⁽¹⁾ | <u>60.100.000.000</u> | <u>-</u> |
| Cộng | <u>99.497.839.316</u> | <u>45.807.848.045</u> |

⁽¹⁾ Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống**2. Đầu tư ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Đầu tư chứng khoán | 35.841.013.897 | 7.177.050.374 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 350.060.272.222 | 371.734.659.048 |
| Cho vay ủy thác | 1.500.000.000 | 49.900.000.000 |
| Cộng | <u>387.401.286.119</u> | <u>428.811.709.422</u> |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn ⁽¹⁾ | <u>(738.034.187)</u> | <u>(2.314.720.374)</u> |
| Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | <u>386.663.251.932</u> | <u>426.496.989.048</u> |

⁽¹⁾ Là dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn.**3. Phải thu khách hàng**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| Phải thu về phí bảo hiểm gốc | 88.266.446.345 | 75.573.203.915 |
| Phải thu của hoạt động nhận tái bảo hiểm | 12.074.053.201 | 4.815.625.173 |
| Phải thu của hoạt động nhượng tái bảo hiểm | 9.905.013.551 | 2.088.458.380 |
| Phải thu khác của khách hàng | 2.258.991.441 | - |
| Cộng | <u>112.504.504.538</u> | <u>82.477.287.468</u> |

4. Trả trước cho người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc | 24.931.877.217 | 7.457.401.281 |
| Trả trước khác của hoạt động bảo hiểm gốc | 272.254.670 | 364.080.474 |
| Trả trước cho nhà cung cấp khác | 4.457.265.381 | 6.030.747.014 |
| Cộng | <u>29.661.397.268</u> | <u>13.852.228.769</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Lãi dự thu hoạt động tài chính | 22.600.780.694 | 24.477.840.315 |
| Ước thu bồi thường nhượng tái Bảo hiểm | - | 3.639.000.000 |
| Phải thu lại tiền bồi thường đã thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khai Thành (do tòa án đã có quyết định PTI không phải bồi thường) | 5.614.181.754 | 5.614.181.754 |
| Cục điều cảnh sát điều tra tạm giữ tiền hoa hồng chi trái nguyên tắc tại chi nhánh TP. Hồ Chí Minh | - | 9.635.087.350 |
| Các khoản phải thu khác | 7.927.006.766 | 4.843.802.523 |
| Cộng | <u>36.141.969.214</u> | <u>48.209.911.942</u> |

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán | 14.060.936.344 | 12.523.910.270 |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm | 2.434.814.737 | 1.973.109.403 |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm | 2.455.054.722 | 3.448.115.556 |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm | 3.728.149.146 | 2.492.995.860 |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm | 5.442.917.739 | 4.609.689.451 |
| Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi | - | - |
| Cộng | <u>14.060.936.344</u> | <u>12.523.910.270</u> |

7. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 947.590.876 | 755.890.671 |
| Công cụ, dụng cụ | 115.364.540 | 62.572.724 |
| Hàng hóa | 7.521.112.699 | - |
| Cộng | <u>8.584.068.115</u> | <u>818.463.395</u> |

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng trong năm</u> | Kết chuyển vào | <u>Số cuối năm</u> |
|-----------------|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| | | | chi phí SXKD | |
| | | | <u>trong năm</u> | |
| Công cụ dụng cụ | 508.003.549 | 452.205.743 | 673.296.949 | 286.912.343 |
| Tiền thuê nhà | - | 580.751.480 | 496.751.480 | 84.000.000 |
| Chi phí khác | - | 35.000.000 | - | 35.000.000 |
| Cộng | <u>508.003.549</u> | <u>1.067.957.223</u> | <u>1.170.048.429</u> | <u>405.912.343</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng nộp thừa | 185.530.649 | 280.621.254 |
| Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa | 28.016.266 | |
| Thuế khác | 3.000.000 | |
| Cộng | <u>216.546.915</u> | <u>280.621.254</u> |

10. Tài sản ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Tạm ứng | 3.223.687.632 | 3.478.414.122 |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1.609.970.084 | 431.516.926 |
| Cộng | <u>4.833.657.716</u> | <u>3.909.931.048</u> |

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
|---|---------------------------------------|--------------------------------|--|--|------------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | - | 108.364.427 | 21.229.651.814 | 10.554.569.569 | 31.892.585.810 |
| Tăng trong năm | 10.623.084.381 | 2.017.290.194 | 2.925.184.559 | 2.777.580.025 | 18.343.139.159 |
| - Mua sắm mới | - | - | 2.925.184.559 | 2.777.580.025 | 5.702.764.584 |
| - Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 10.623.084.381 | 2.017.290.194 | - | - | 12.640.374.575 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (1.299.754.441) | (626.594.946) | (1.926.349.387) |
| Số cuối năm | <u>10.623.084.381</u> | <u>2.125.654.621</u> | <u>22.855.081.932</u> | <u>12.705.554.648</u> | <u>48.309.375.582</u> |
| <i>Trong đó, khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | | 77.316.808 | 5.511.373.386 | 8.058.479.462 | 13.647.169.656 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | - | 91.479.219 | 12.496.579.957 | 9.144.216.092 | 21.732.275.268 |
| Khấu hao trong năm | 142.177.710 | 68.559.387 | 2.851.426.064 | 1.161.777.865 | 4.223.941.026 |
| Giảm trong năm | - | - | (1.307.462.119) | (626.594.946) | (1.934.057.065) |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | (1.299.754.441) | (626.594.946) | (1.926.349.387) |
| - Giảm khác | - | - | (7.707.678) | - | (7.707.678) |
| Số cuối năm | <u>142.177.710</u> | <u>160.038.606</u> | <u>14.040.543.902</u> | <u>9.679.399.011</u> | <u>24.022.159.229</u> |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | - | 16.885.208 | 8.733.071.857 | 1.410.353.477 | 10.160.310.542 |
| Số cuối năm | <u>10.480.906.671</u> | <u>1.965.616.015</u> | <u>8.814.538.030</u> | <u>3.026.155.637</u> | <u>24.287.216.353</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy vi tính | Cộng |
|--|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 52.986.204.000 | 266.000.000 | 53.252.204.000 |
| Tăng trong năm | - | 710.000.000 | 710.000.000 |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số cuối năm | 52.986.204.000 | 976.000.000 | 53.962.204.000 |
| <i>Trong đó, đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | | 266.000.000 | 266.000.000 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | | 266.000.000 | 266.000.000 |
| Tăng trong năm | - | 636.201 | 636.201 |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số cuối năm | - | 266.636.201 | 266.636.201 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 52.986.204.000 | - | 52.986.204.000 |
| Số cuối năm | 52.986.204.000 | 709.363.799 | 53.695.567.799 |

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Số cuối năm |
|---|----------------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------------|
| Mua sắm TSCĐ | | 51.223.455 | 51.223.455 | - |
| XDCB dở dang | 3.114.738.544 | 12.732.385.766 | 12.640.374.575 | 3.206.749.735 |
| - Công trình Trụ sở PTI Đà Nẵng | 115.972.727 | - | - | 115.972.727 |
| - Công trình Trụ sở PTI Phía Bắc | 102.602.727 | 3.580.672.908 | 3.683.275.635 | - |
| - Công trình Trụ sở PTI Tây Nguyên | 2.061.592.818 | 1.743.517.181 | 3.805.109.999 | - |
| - Công trình Xây dựng Bệnh viện Thành Tâm | 834.570.272 | 2.185.935.252 | - | 3.020.505.524 |
| - Công trình Cửa hàng xăng dầu Thị xã Ngã Bảy – Hậu Giang | - | 1.867.858.266 | 1.867.858.266 | - |
| - Công trình Cửa hàng xăng dầu Thốt Nốt – Cần Thơ | | 3.284.130.675 | 3.284.130.675 | - |
| - Công trình Cửa hàng xăng dầu Cái Lắc – Cần Thơ | | 70.271.484 | | 70.271.484 |
| Cộng | 3.114.738.544 | 12.783.609.221 | 12.691.598.030 | 3.206.749.735 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện | 52.972.322.413 | 20.773.701.143 |
| Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử (KASATI) | 12.005.138.519 | 11.294.480.254 |
| Công ty Cổ phần IBS Việt Nam | 2.287.133.647 | - |
| Cộng | <u>67.264.594.580</u> | <u>32.068.181.397</u> |

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày tại thuyết minh I.6

Khoản đầu tư vào các Công ty liên kết trên đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ, cụ thể:

| | <u>Giá gốc của khoản đầu tư tại 31/12/2009</u> | <u>Tăng, giảm giá trị đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ</u> | <u>Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31/12/2009</u> |
|--|--|---|---|
| Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện | 50.000.000.000 | 2.972.322.413 | 52.972.322.413 |
| Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử | 14.292.700.000 | (2.287.561.481) | 12.005.138.519 |
| Công ty Cổ phần IBS Việt Nam | 2.000.000.000 | 287.133.647 | 2.287.133.647 |
| Cộng | <u>66.292.700.000</u> | <u>971.894.580</u> | <u>67.264.594.580</u> |

15. Đầu tư dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Đầu tư cổ phiếu | 4.816.500.000 | - |
| Đầu tư trái phiếu | 31.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 4.172.361.111 | 41.500.000.000 |
| Cho CBCNV vay | 15.236.395.000 | 16.321.095.000 |
| Ủy thác quản lý danh mục đầu tư qua các công ty quản lý quỹ đầu tư | 15.739.055.291 | 14.917.975.707 |
| Ủy thác cho vay qua ngân hàng | 61.364.000.000 | 42.413.896.233 |
| Ủy thác đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện | 8.000.000.000 | - |
| Góp vốn cổ phần | 42.595.000.000 | 38.020.000.000 |
| Cộng | <u>182.923.311.402</u> | <u>154.172.966.940</u> |

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Dự phòng khoản lỗ của Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện | (372.111.533) | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng trong năm</u> | <u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|---|----------------------|-----------------------|--|----------------------|
| Công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 694.459.860 | 800.358.639 | 1.026.058.867 | 468.759.632 |
| Chi phí thuê nhà | 1.895.674.350 | 2.052.657.164 | 2.648.190.869 | 1.300.140.645 |
| Chi phí phát triển mạng lưới đại lý qua các Bưu điện tỉnh | 3.136.244.236 | 1.106.931.878 | 1.138.892.886 | 3.104.283.228 |
| Chi phí truyền thông và phát triển thương hiệu | - | 921.529.200 | - | 921.529.200 |
| Các khoản chi phí khác | 138.726.149 | 145.538.096 | 104.475.990 | 179.788.255 |
| Cộng | 5.865.104.595 | 5.027.014.977 | 4.917.618.612 | 5.974.500.960 |

18. Tài sản dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Ký quỹ bắt buộc theo Luật kinh doanh bảo hiểm | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Ký quỹ khác | 5.363.518.582 | 4.555.329.379 |
| Cộng | 11.363.518.582 | 10.555.329.379 |

19. Vay và nợ ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|-------------------|
| Vay ngắn hạn Ngân hàng | 4.800.000.000 | - |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy - Phòng Giao dịch Mỹ Đình (*) | 4.800.000.000 | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25) | 317.333.332 | - |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long | 317.333.332 | - |
| Cộng | 5.117.333.332 | - |

(*) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy - Phòng Giao dịch Mỹ Đình để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố Hợp đồng tiền gửi số 625170709001 ngày 17/07/2009 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện, giá trị tài sản đảm bảo là 5 tỷ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Số kết chuyển</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-------------------------|-------------------|--|----------------------|-------------------------------------|----------------------|
| Vay ngắn hạn Ngân hàng | - | 10.600.000.000 | - | 5.800.000.000 | 4.800.000.000 |
| Vay cá nhân | - | 20.000.000 | - | 20.000.000 | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả | - | - | 317.333.332 | - | 317.333.332 |
| Cộng | - | 10.620.000.000 | 317.333.332 | 5.820.000.000 | 5.117.333.332 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Phải trả người bán**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc | 13.632.251.097 | 13.528.794.442 |
| - Phải trả về bồi thường bảo hiểm gốc | 6.570.178.325 | 10.101.856.282 |
| - Phải trả về hoa hồng bảo hiểm gốc | 5.005.705.837 | 1.666.577.768 |
| - Phải trả về phí giám định tổn thất | 711.193.750 | 1.114.325.593 |
| - Phải trả về chi để phòng hạn chế rủi ro tổn thất | 568.173.000 | 611.144.827 |
| - Phải trả khác về bảo hiểm gốc | 750.194.759 | 16.804.583 |
| Phải trả về hoàn phí bảo hiểm | 26.805.426 | 18.085.389 |
| Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm | 5.289.212.595 | 1.955.716.068 |
| Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm | 30.018.957.455 | 15.049.673.029 |
| Phải trả nhà đồng bảo hiểm | 616.764.292 | 4.384.880.884 |
| Phải trả cho nhà cung cấp khác | 7.795.252.111 | 1.200.499.053 |
| Cộng | <u>57.352.437.550</u> | <u>36.119.563.476</u> |

21. Người mua trả tiền trước

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Người mua trả tiền trước | 1.712.485.993 | 1.281.885.265 |
| - Người mua trả trước về hoạt động bảo hiểm gốc | 1.651.181.408 | 1.281.885.265 |
| - Người mua trả tiền trước hoạt động khác | 61.304.585 | - |
| Doanh thu nhận trước của hoạt động bảo hiểm gốc | 1.809.319.412 | 260.719.121 |
| Cộng | <u>3.521.805.405</u> | <u>1.542.604.386</u> |

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 3.757.195.425 | 4.430.757.416 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 10.292.118.491 | 12.417.597.658 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.014.544.899 | 2.361.195.463 |
| Các loại thuế khác (thuế nhà thầu) | 10.135.435 | - |
| Cộng | <u>15.073.994.250</u> | <u>19.209.550.537</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|--|-----------------|
| Kinh doanh tái bảo hiểm | Không chịu thuế |
| Các nghiệp vụ bảo hiểm liên quan đến con người | Không chịu thuế |
| Các nghiệp vụ bảo hiểm khác | 10% |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số IV.16.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 63.274.955.962 | 54.707.708.665 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | (8.227.921.096) | 646.205.724 |
| - <i>Cổ tức được chia</i> | (3.196.038.834) | (3.112.544.000) |
| - <i>Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i> | (161.952.000) | 240.903.673 |
| - <i>Lợi nhuận tại Công ty con trong giai đoạn đầu tư</i> | (83.092.296) | (10.672.552) |
| - <i>Lợi nhuận phát sinh do hợp nhất BCTC</i> | (4.835.522.418) | 3.528.518.603 |
| - <i>Điều chỉnh tăng khác</i> | 48.684.452 | - |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 55.047.034.866 | 55.353.914.389 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 25% | 28% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp | 13.761.758.717 | 15.499.096.029 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm | (108.372.226) | - |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 13.653.386.491 | 15.499.096.029 |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Chi phí phải trả

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|-------------------|
| Trích trước chi phí đầu tư cửa hàng xăng dầu Thị xã Ngã Bảy - Hậu Giang | 478.961.087 | |
| Trích trước chi phí đầu tư cửa hàng xăng dầu Thốt Nốt - Cần Thơ | 473.805.979 | |
| Chi phí lãi vay phải trả | 48.833.333 | |
| Chi phí phải trả khác | 109.895.781 | 33.843.785 |
| Cộng | 1.111.496.180 | 33.843.785 |

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Kinh phí công đoàn | 1.146.448.514 | 949.664.195 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế | 108.616.200 | - |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 2.849.411.975 | 935.336.109 |
| Thuế nhà thầu tạm giữ | 474.398.194 | - |
| Phải trả phải nộp khác | 3.802.266.475 | 5.649.650.494 |
| Cộng | 8.381.141.358 | 7.534.650.798 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

25. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 01.2009/NTL - Vinapetro ngày 04/09/2009 để xây dựng 3 cửa hàng xăng dầu tại Hậu Giang và Cần Thơ, thời hạn 36 tháng, lãi suất đang áp dụng tại thời điểm 31/12/2009 là 12%/năm.

Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố Hợp đồng tiền gửi số 01/2009/NTL-PTI ngày 28/08/2009 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện, giá trị tài sản đảm bảo là 5 tỷ.

Chi tiết phát sinh khoản vay dài hạn trong năm như sau:

| | |
|---------------------------------------|---------------------------|
| Số đầu năm | - |
| Số tiền vay phát sinh trong năm | 1.057.600.000 |
| Số tiền vay đã trả trong năm | 79.333.333 |
| Số kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả | <u>317.333.332</u> |
| Số dư cuối năm | <u>660.933.335</u> |

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

| | |
|------------------------|---------------------------|
| Số đầu năm | 397.321.051 |
| Số trích lập trong năm | 263.914.643 |
| Số chi trong năm | <u>(113.761.272)</u> |
| Số cuối năm | <u>547.474.422</u> |

27. Dự phòng nghiệp vụ

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Dự phòng phí | 182.270.341.549 | 131.167.920.161 |
| Dự phòng bồi thường | 107.685.527.549 | 74.513.005.145 |
| Dự phòng dao động lớn | <u>126.165.695.105</u> | <u>114.937.690.172</u> |
| Cộng | <u>416.121.564.203</u> | <u>320.618.615.478</u> |

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 (trang 42).

Cổ tức

Trong năm Công ty đã chi trả cổ tức năm 2008 theo tỷ lệ 15%, số tiền là 35.784.246.575 đồng.

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 30.000.000 | 30.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 30.000.000 | 30.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 7.563 | |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 7.563 | |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 29.992.437 | 30.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 29.992.437 | 30.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | | |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Bao gồm:

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ ngắn hạn cuối năm.
- Điều chỉnh khoản đầu tư vào công ty liên kết tương ứng phần vốn chủ sở hữu của công ty liên kết tăng, giảm do chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ.

Mục đích trích lập quỹ dự trữ bắt buộc, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ dự trữ bắt buộc để bổ sung vốn điều lệ và bảo đảm khả năng thanh toán.

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

29. Lợi ích cổ đông thiểu số

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Vốn góp của cổ đông thiểu số | 4.855.073.830 | 2.055.073.830 |
| Lợi nhuận của cổ đông thiểu số | 505.848.861 | 3.621.197 |
| Cộng | <u>5.360.922.691</u> | <u>2.058.695.027</u> |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác

Là doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu.

2. Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác

Là giá vốn hoạt động kinh doanh xăng dầu.

3. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|-----------------------------|
| Chi phí phát triển mạng lưới đại lý qua các Bưu điện tỉnh | 1.138.892.888 | - |
| Chi phí quản lý đại lý và dịch vụ sau bán hàng | 9.154.240.956 | 6.362.214.469 |
| Chi phí hoạt động kinh doanh xăng dầu | 1.027.220.584 | - |
| Cộng | <u>11.320.354.428</u> | <u>6.362.214.469</u> |

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 50.154.321.259 | 51.575.329.586 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 5.202.238.340 | 4.656.362.053 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 5.491.571.272 | 4.041.365.184 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 3.996.660.358 | 4.112.456.182 |
| Thuế, phí và lệ phí | 1.675.752.609 | 1.251.796.960 |
| Chi phí dự phòng | 3.078.750.044 | 3.806.105.588 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 21.654.822.805 | 18.139.904.068 |
| Chi phí bằng tiền khác | 42.731.369.016 | 29.180.729.661 |
| Cộng | <u>133.985.485.703</u> | <u>116.764.049.282</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Doanh thu hoạt động tài chính**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 46.123.706.890 | 47.751.318.893 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 2.035.716.612 | 3.324.579.070 |
| Lãi tiền cho vay | 8.684.058.164 | 14.965.708.367 |
| Lãi kinh doanh chứng khoán | 21.431.799.399 | 58.096.170 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 3.196.038.834 | 3.112.544.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 161.952.000 | 11.220.289 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 214.832.701 | 131.275.513 |
| Cộng | <u>81.848.104.600</u> | <u>69.354.742.302</u> |

6. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay | 346.246.818 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | 252.123.962 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 1.563.013.636 | 1.521.435.689 |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn | 6.966.833.976 | 1.649.239.831 |
| Hoàn nhập (-)/ Trích lập (+) dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn | (1.576.686.187) | 2.314.720.374 |
| Trích lập dự phòng đầu tư góp vốn dài hạn | 372.111.533 | - |
| Chi phí ủy thác quản lý doanh mục đầu tư | 312.048.998 | 247.554.791 |
| Chi phí tiền lương hoạt động đầu tư | 12.581.251.696 | - |
| Chi phí tài chính khác | 24.774.504 | 143.898.219 |
| Cộng | <u>20.589.594.974</u> | <u>6.128.972.866</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 381.722.727 | 341.388.743 |
| Thu khác | 22.778.848 | 329.852.480 |
| Cộng | <u>404.501.575</u> | <u>671.241.223</u> |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|--------------------------|---------------------------|
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán | 20.447.626 | 58.318.885 |
| Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | - | 4.090.909 |
| Chi phí khác | 1.497.960 | 73.569.303 |
| Cộng | <u>21.945.586</u> | <u>135.979.097</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 49.132.764.579 | 39.204.991.439 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 49.132.764.579 | 39.204.991.439 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 29.998.908 | 24.123.288 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>1.638</u> | <u>1.625</u> |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 30.000.000 | 10.500.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 9 tháng 11 năm 2009 | (1.092) | |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 21 tháng 04 năm 2008 | - | 13.623.288 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | <u>29.998.908</u> | <u>24.123.288</u> |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đại hội cổ đông thường niên Công ty được tổ chức ngày 28 tháng 4 năm 2009 đã phê chuẩn phương án tăng vốn điều lệ của Công ty lên 450 tỷ đồng. Trong năm 2010 Công ty đang tiến hành các thủ tục phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|----------------|------------------|
| Tiền lương ban giám đốc | 1.911.597.230 | 1.587.186.324 |
| Thù lao Hội đồng quản trị | 208.000.000 | 314.050.000 |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|--------------------|
| Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | Cổ đông sáng lập |
| Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh | Cổ đông sáng lập |
| Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm quốc gia Việt nam | Cổ đông sáng lập |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Thành Tâm | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam | Công ty con |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chủ yếu phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | | |
| Chia lãi cổ tức | 13.044.739.726 | 5.989.247.534 |
| Doanh thu phí bảo hiểm gốc các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | 127.249.090.861 | 94.625.807.522 |
| Tổng Công ty Cổ phần Tài Bảo hiểm quốc gia Việt nam | | |
| <u>Nghiệp vụ nhân tái bảo hiểm</u> | | |
| Phí nhận tái bảo hiểm | 23.809.703.375 | 17.887.642.716 |
| Hoa hồng nhận tái bảo hiểm | 4.958.358.341 | 3.700.311.072 |
| Bồi thường nhận tái bảo hiểm | 11.216.254.479 | 12.983.782.137 |
| Chi khác nhận tái bảo hiểm | 447.604.211 | 204.262.982 |
| <u>Nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm</u> | | |
| Phí nhượng tái bao hiểm | 23.713.120.589 | 23.896.141.641 |
| Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm | 6.187.875.596 | 7.604.522.957 |
| Thu bồi thường nhượng tái bao hiểm | 5.615.850.763 | 1.819.242.159 |
| Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh | | |
| <u>Nghiệp vụ nhân tái bảo hiểm</u> | | |
| Phí nhận tái bảo hiểm | 1.030.371.070 | 1.157.627.258 |
| Hoa hồng nhận tái bảo hiểm | 279.508.478 | 317.014.867 |
| Bồi thường nhận tái bảo hiểm | 112.039.375 | 2.355.601.399 |
| <u>Nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm</u> | | |
| Phí nhượng tái bảo hiểm | 1.470.890.623 | 1.913.520.557 |
| Hoa hồng nhượng tái bao hiểm | 386.890.312 | 528.275.481 |
| Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 1.664.239.283 | 436.232.244 |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Tài Bảo hiểm quốc gia Việt nam | | |
| Phải thu về phí nhận tái bảo hiểm | 8.763.559.836 | 2.447.873.599 |
| Phải thu khác về hoạt động nhận tái bảo hiểm | 6.188.794.670 | 821.937.263 |
| Phải thu về bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 2.302.806.294 | 2.097.610 |
| Phải thu về hoàn phí nhượng tái bảo hiểm | 271.958.872 | 635.544.380 |
| Phải thu khác | 271.958.872 | 1.599.009 |
| Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh | 1.064.933.099 | 373.575.452 |
| Phải thu về phí nhận tái bảo hiểm | 263.960.333 | 126.252.678 |
| Phải thu về bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 772.537.849 | 247.322.774 |
| Phải thu khác | 28.434.917 | |
| Cộng nợ phải thu | 9.828.492.935 | 2.821.449.051 |
| Tổng Công ty Cổ phần Tài Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam | | |
| Phải trả về chi bồi thường nhận tái bảo hiểm | 12.863.031.119 | 4.707.789.912 |
| Phải trả về phí nhượng tái bảo hiểm | 882.785.922 | 257.371.940 |
| Phải trả khác | 11.952.763.446 | 4.446.417.972 |
| Phải trả khác | 27.481.751 | 4.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|----------------------|
| <i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh</i> | <i>644.569.261</i> | <i>640.647.738</i> |
| Phải trả về chi bồi thường nhận tái bảo hiểm | 385.359.953 | 350.091.858 |
| Phải trả về phí nhượng tái bảo hiểm | 103.680.183 | 290.555.880 |
| Phải trả khác | 155.529.125 | - |
| Cộng nợ phải trả | 13.507.600.380 | 5.348.437.650 |

3. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót

Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các quy định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

Năm 2009 Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến các vấn đề sau:

- Xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái: Như đã trình bày tại thuyết minh số IV...., Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 201") thay cho chính sách kế toán được áp dụng trong các năm trước theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS 10"). Thông tư 201 và VAS 10 có sự khác biệt trong việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Theo đó, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là (158.852.450) VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì việc ghi nhận vào chi phí tài chính như năm trước.
- Phân loại chi phí hoạt động tài chính: Để phản ánh đúng hơn tình hình hoạt động doanh nghiệp, năm 2009 Công ty đã hạch toán chi phí tiền lương tính trên doanh thu hoạt động đầu tư và chi phí tiền lương hiệu quả vào Chi phí hoạt động tài chính thay vì việc hạch toán vào Chi quản lý doanh nghiệp như năm trước, số tiền là 12.581.251.702 đồng (xem thuyết minh VI.4).

Các sai sót

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính năm nay được lấy theo số liệu Báo cáo tài chính năm trước đã điều chỉnh theo kết quả Kiểm toán Nhà nước. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót theo kết quả Kiểm toán nhà nước đến số liệu so sánh được trình bày ở Phụ lục 02 (trang 43 - 49).

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

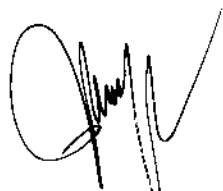
Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

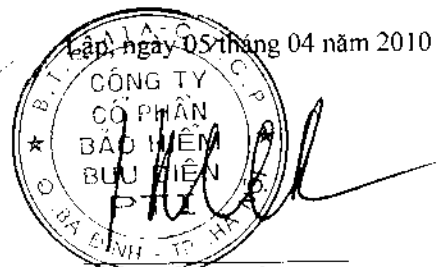
| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------|----------------|------------------|
| Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn | | | |
| Cơ cấu tài sản | | | |
| Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản | % | 65,64 | 69,43 |
| Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản | % | 34,36 | 30,57 |
| Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 51,74 | 45,48 |
| Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 47,73 | 54,29 |
| Khả năng thanh toán | | | |
| Khả năng thanh toán hiện hành | Lần | 1,93 | 2,20 |
| Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | Lần | 6,23 | 7,76 |
| Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 4,55 | 6,00 |
| Tỷ suất sinh lời | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần | % | 14,50 | 14,61 |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần | % | 11,37 | 10,47 |
| Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản | % | 6,25 | 6,22 |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản | % | 4,85 | 4,46 |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu | % | 11,86 | 13,74 |



Bùi Thị Thúy
Người lập biểu



Đỗ Quang Khánh
Kế toán trưởng



Phạm Anh Tuấn
Q. Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

PHỤ LỤC 01:**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự trữ bắt buộc | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|---------------------------|------------------------|----------------------|----------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước | 105.000.000.000 | | | | 14.517.639.731 | 7.709.185.959 | 18.991.990.226 | 146.218.815.916 |
| Cổ đóng góp vốn | 195.000.000.000 | 114.375.000.000 | | | | | | 309.375.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm trước | | | | | | | | 39.204.991.439 |
| Phân phối lợi nhuận năm 2007 | | | | | | | | (18.693.563.045) |
| - <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i> | | | | | | | | (3.275.836.275) |
| - <i>Chi cô tức năm 2007</i> | | | | | | | | (15.315.326.770) |
| - <i>Thủ lao HĐQT</i> | | | | | | | | (102.400.000) |
| Phân phối lợi nhuận năm 2008 | | | | | | 2.099.216.486 | | (1.314.050.000) |
| - <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i> | | | | | | | | (1.000.000.000) |
| - <i>Trích quỹ dự trữ bắt buộc</i> | | | | | | 2.099.216.486 | | (2.099.216.486) |
| - <i>Thủ lao Hội đồng quản trị</i> | | | | | | | | (314.050.000) |
| Số dư cuối năm trước | 300.000.000.000 | 114.375.000.000 | - | - | 14.517.639.731 | 9.808.402.445 | 36.090.152.134 | 474.791.194.310 |
| Số dư đầu năm nay | 300.000.000.000 | 114.375.000.000 | | | 14.517.639.731 | 9.808.402.445 | 36.090.152.134 | 474.791.194.310 |
| Mua cổ phiếu quỹ | | | (201.068.212) | | | | | (201.068.212) |
| Lợi nhuận trong năm nay | | | | | | | | 49.132.764.579 |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ | | | | (158.852.450) | | | | (158.852.450) |
| Phân phối lợi nhuận năm 2008 | | | | | 419.843.297 | | | (38.823.933.169) |
| - <i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i> | | | | | 419.843.297 | | | (419.843.297) |
| - <i>Trích quỹ khen thưởng khách hàng</i> | | | | | | | | (419.843.297) |
| - <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i> | | | | | | | | (2.200.000.000) |
| - <i>Chi cô tức năm 2008</i> | | | | | | | | (35.784.246.575) |
| Tạm phân phối lợi nhuận năm 2009 | | | | | | 2.235.698.644 | | (3.443.698.644) |
| - <i>Trích quỹ Dự trữ bắt buộc</i> | | | | | | 2.235.698.644 | | (2.235.698.644) |
| - <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i> | | | | | | | | (1.000.000.000) |
| - <i>Thủ lao HĐQT</i> | | | | | | | | (208.000.000) |
| Phân chia lợi nhuận cho bên liên doanh (tại Công ty Cổ phần Thương mại xăng dầu Việt | | | | | | | | (36.428.571) |
| Giảm khác (*) | | | (201.068.212) | (31.685.888) | | | | (345.417.548) |
| Số dư cuối năm nay | 300.000.000.000 | 114.375.000.000 | (201.068.212) | (190.538.338) | 14.937.483.028 | 12.044.101.089 | 42.573.438.780 | 483.538.416.347 |

(*) Giảm khác tương ứng với những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng chưa được phân ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

PHỤ LỤC 02:**ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT THEO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

I. CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| TÀI SẢN | Mã số | Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước | | Chênh lệch |
|---|------------|---|------------------------|------------------------|
| | | Số điều chỉnh lại | | |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 610.903.772.222 | 614.376.705.038 | (3.472.932.816) |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 45.807.848.045 | 45.807.848.045 | - |
| 1. Tiền | 111 | 45.807.848.045 | 45.807.848.045 | - |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | - | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 426.496.989.048 | 434.996.989.048 | (8.500.000.000) |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | 428.811.709.422 | 437.311.709.422 | (8.500.000.000) |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | (2.314.720.374) | (2.314.720.374) | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 132.015.517.909 | 126.936.632.504 | 5.078.885.405 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | 82.477.287.468 | 77.966.765.653 | 4.510.521.815 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | 13.852.228.769 | 13.852.228.769 | - |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | - | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | - | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | 48.209.911.942 | 48.119.770.120 | 90.141.822 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | (12.523.910.270) | (13.002.132.038) | 478.221.768 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 818.463.395 | 805.491.016 | 12.972.379 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 818.463.395 | 805.491.016 | 12.972.379 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | - | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 5.764.953.825 | 5.829.744.425 | (64.790.600) |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 508.003.549 | 508.003.549 | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | 1.066.397.974 | 1.066.397.974 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | 280.621.254 | 280.621.254 | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 3.909.931.048 | 3.974.721.648 | (64.790.600) |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục 02: Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót theo kết quả Kiểm toán Nhà nước (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước | | |
|---|------------|---|------------------------|----------------------|
| | | Số điều chỉnh lại | | Chênh lệch |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 268.922.835.397 | 259.801.706.815 | 9.121.128.582 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | - | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | - | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | - | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | - | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | - | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | - | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | 66.261.253.086 | 66.261.253.086 | - |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10.160.310.542 | 10.160.310.542 | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | 31.892.585.810 | 31.892.585.810 | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | (21.732.275.268) | (21.732.275.268) | - |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | - | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | - | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | - | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 52.986.204.000 | 52.986.204.000 | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | 53.252.204.000 | 53.252.204.000 | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | (266.000.000) | (266.000.000) | - |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 3.114.738.544 | 3.114.738.544 | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | - | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | - | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | - | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 186.241.148.337 | 177.741.148.337 | 8.500.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | - | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | 32.068.181.397 | 32.068.181.397 | - |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 154.172.966.940 | 145.672.966.940 | 8.500.000.000 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | - | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | 16.420.433.974 | 15.799.305.392 | 621.128.582 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.865.104.595 | 5.243.976.013 | 621.128.582 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | - | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | 10.555.329.379 | 10.555.329.379 | - |
| VI. Lợi thế thương mại | 269 | - | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 879.826.607.619 | 874.178.411.853 | 5.648.195.766 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục 02: Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót theo kết quả Kiểm toán Nhà nước (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước | | | Chênh lệch |
|---|------------|---|------------------------|----------------------|------------|
| | | Số điều chỉnh lại | | | |
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 400.101.213.996 | 395.195.147.205 | 4.906.066.791 | |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 78.689.968.331 | 75.459.951.484 | 3.230.016.847 | |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | - | - | - | |
| 2. Phải trả người bán | 312 | 36.119.563.476 | 36.198.224.899 | (78.661.423) | |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | 1.542.604.386 | 1.542.604.386 | - | |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 19.209.550.537 | 18.816.926.134 | 392.624.403 | |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | 14.249.755.349 | 13.884.619.774 | 365.135.575 | |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 33.843.785 | 33.843.785 | - | |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | - | - | - | |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | - | - | - | |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 7.534.650.798 | 4.983.732.506 | 2.550.918.292 | |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | - | - | - | |
| II. Nợ dài hạn | 330 | 792.630.187 | 792.630.187 | - | |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | - | - | - | |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | - | - | - | |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | 395.309.136 | 395.309.136 | - | |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | - | - | - | |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | - | - | - | |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | 397.321.051 | 397.321.051 | - | |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | - | - | - | |
| III. Dự phòng nghiệp vụ | 340 | 320.618.615.478 | 318.942.565.534 | 1.676.049.944 | |
| 1. Dự phòng phí | 341 | 131.167.920.161 | 130.237.046.868 | 930.873.293 | |
| 2. Dự phòng toán học | 342 | - | - | - | |
| 3. Dự phòng bồi thường | 343 | 74.513.005.145 | 73.824.125.495 | 688.879.650 | |
| 4. Dự phòng dao động lớn | 344 | 114.937.690.172 | 114.881.393.171 | 56.297.001 | |
| 5. Dự phòng chia lãi | 345 | - | - | - | |
| 6. Dự phòng đảm bảo cân đối | 346 | - | - | - | |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục 02: Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót theo kết quả Kiểm toán Nhà nước (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước | | Chênh lệch |
|---|------------|---|------------------------|----------------------|
| | | Số điều chỉnh lại | | |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 477.666.698.596 | 476.924.569.621 | 742.128.975 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 474.791.194.310 | 474.049.065.335 | 742.128.975 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 114.375.000.000 | 114.375.000.000 | - |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | - | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | - | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | - | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | - | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | 14.517.639.731 | 14.517.639.731 | - |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | - | - | - |
| 9. Quỹ dự trữ bắt buộc | 419 | 9.808.402.445 | 9.808.402.445 | - |
| 10. Quỹ dự tự nguyện | 420 | - | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 36.090.152.134 | 35.348.023.159 | 742.128.975 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | - | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | 2.875.504.286 | 2.875.504.286 | - |
| 1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 431 | 2.875.504.286 | 2.875.504.286 | - |
| 2. Nguồn kinh phí | 432 | - | - | - |
| 3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | - | - | - |
| C - LỢI ÍCH CÒ ĐỒNG THIỂU SỘ | 439 | 2.058.695.027 | 2.058.695.027 | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 879.826.607.619 | 874.178.411.853 | 5.648.195.766 |

II. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU | Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước | | Chênh lệch |
|--|---|-----------------|----------------|
| | Số điều chỉnh lại | | |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | | |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | | |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | | |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | | |
| 5. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm | 139.066.275.404 | 101.460.661.277 | 37.605.614.127 |
| 6. Hợp đồng nhận tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm | | | - |
| 7. Hợp đồng nhượng tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm | | | - |
| 8. Ngoại tệ các loại: | | | |
| Dollar Mỹ (USD) | 94.988,80 | 94.988,80 | - |
| Euro (EUR) | 3.339,23 | 3.339,23 | - |
| Bảng Anh (£) | 19.055,11 | 19.055,11 | - |
| 9. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | | - |
| 10. Thu đòi người thứ 3 | 767.475.427 | | 767.475.427 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục 02: Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót theo kết quả Kiểm toán Nhà nước (tiếp theo)

III. CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP

| CHỈ TIÊU | Mã số | Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước | | | Chênh lệch |
|--|-------|---|------------------|------------------|------------|
| | | Số điều chỉnh lại | | | |
| 1. Thu phí bảo hiểm gốc | 01 | 443.664.486.058 | 442.412.606.135 | 1.251.879.923 | |
| 2. Thu phí nhận tái bảo hiểm | 02 | 36.903.215.542 | 36.278.528.766 | 624.686.776 | |
| 3. Các khoản giảm trừ (03 = 04 + 05 + 06 + 07) | 03 | 206.759.969.177 | 206.759.969.177 | - | |
| Phí nhượng tái bảo hiểm | 04 | 196.918.738.978 | 196.918.738.978 | - | |
| Giảm phí bảo hiểm | 05 | - | - | - | |
| Hoàn phí bảo hiểm | 06 | 9.841.230.199 | 9.841.230.199 | - | |
| Các khoản giảm trừ khác | 07 | - | - | - | |
| 4. Tăng (giảm) dự phòng phí, dự phòng toán học | 08 | 16.724.507.979 | 15.793.634.686 | 930.873.293 | |
| 5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm | 09 | 34.818.923.585 | - | 34.818.923.585 | |
| 5. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=11+12+13) | 10 | 12.651.515.275 | 47.470.438.860 | (34.818.923.585) | |
| Thu nhận tái bảo hiểm | 11 | 216.000 | 216.000 | - | |
| Thu nhượng tái bảo hiểm | 12 | - | 34.818.923.585 | (34.818.923.585) | |
| Thu khác (Giám định, đại lý...) | 13 | 12.651.299.275 | 12.651.299.275 | - | |
| 6. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01 + 02 - 03 - 08 + 09 + 10) | 14 | 304.553.663.304 | 303.607.969.898 | 945.693.406 | |
| 7. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác | 14B | - | - | - | |
| 8. Chi bồi thường Bảo hiểm gốc, trả tiền bảo hiểm | 15 | 148.552.152.155 | 148.789.414.396 | (237.262.241) | |
| 9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm | 16 | 18.220.849.735 | 18.204.993.780 | 15.855.955 | |
| 10. Các khoản giảm trừ (17=18+19+20) | 17 | 19.782.921.017 | 19.782.921.017 | - | |
| Thu bồi thường nhượng Tái bảo hiểm | 18 | 12.535.053.936 | 12.535.053.936 | - | |
| Thu đòi người thứ ba bồi hoàn | 19 | 7.247.867.081 | 7.247.867.081 | - | |
| Thu hàng đã xử lý bồi thường 100% | 20 | - | - | - | |
| 11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21 = 15 + 16 - 17) | 21 | 146.990.080.873 | 147.211.487.159 | (221.406.286) | |
| 12. Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn | 22 | - | - | - | |
| 13. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường | 23 | (11.095.372.099) | (11.784.251.749) | 688.879.650 | |
| 14. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm | 24 | 8.214.232.442 | 8.157.935.441 | 56.297.001 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục 02: Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót theo kết quả Kiểm toán Nhà nước (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước | | Chênh lệch |
|---|------------|---|------------------------|--------------------|
| | | Số điều chỉnh lại | | |
| 15. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (25 = 26 + 34 + 39 + 40) | 25 | 42.843.262.631 | 42.703.871.778 | 139.390.853 |
| Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc (26 = 27 + 28 + 29 + 30 + 31 + 32 + 33) | 26 | 27.754.267.235 | 27.787.367.235 | (33.100.000) |
| - Chi hoa hồng | 27 | 19.972.156.134 | 19.972.156.134 | - |
| - Chi giám định tổn thất | 28 | 2.624.648.342 | 2.624.648.342 | - |
| - Chi bồi người thứ 3 | 29 | - | - | - |
| + Chi xử lý hàng bồi thường 100% | 30 | 4.060.909 | 4.060.909 | - |
| + Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm | 31 | 45.591.020 | 45.591.020 | - |
| + Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất | 32 | 4.838.361.596 | 4.871.461.596 | (33.100.000) |
| + Chi khác | 33 | 269.449.234 | 269.449.234 | - |
| Chi khác hoạt động kinh doanh nhân tái bảo hiểm (34 = 35 + 36 + 38) | 34 | 8.665.844.043 | 8.493.353.190 | 172.490.853 |
| + Chi hoa hồng | 35 | 8.399.161.059 | 8.226.670.206 | 172.490.853 |
| + Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm | 36 | - | - | - |
| + Chi khác | 38 | 266.682.984 | 266.682.984 | - |
| Chi hoạt động nhượng tái bảo hiểm | 39 | 6.423.151.353 | 6.423.151.353 | - |
| Chi phí trực tiếp kinh doanh hoạt động khác | 40 | - | - | - |
| 16. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41 = 21 - 22 + 23 + 24 + 25) | 41 | 186.952.203.847 | 186.289.042.629 | 663.161.218 |
| 17. Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác | 41B | | | |
| 18. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh (42 = 14 + 14B - 41 - 41B) | 42 | 117.601.459.457 | 117.318.927.269 | 282.532.188 |
| 19. Chi phí bán hàng | 43 | 6.362.214.469 | 6.375.942.169 | (13.727.700) |
| 20. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 44 | 116.764.049.282 | 117.493.288.231 | (729.238.949) |
| 21. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (45 = 42 - 43 - 44) | 45 | (5.524.804.294) | (6.550.303.131) | 1.025.498.837 |
| 22. Doanh thu hoạt động tài chính | 46 | 69.354.742.302 | 69.354.742.302 | - |
| 23. Chi phí hoạt động tài chính | 47 | 6.128.972.866 | 6.128.972.866 | - |
| 24. Lợi nhuận hoạt động tài chính (51 = 46 - 47) | 51 | 63.225.769.436 | 63.225.769.436 | - |
| 25. Thu nhập hoạt động khác | 52 | 671.241.223 | 603.909.947 | 67.331.276 |
| 26. Chi phí hoạt động khác | 53 | 135.979.097 | 73.883.671 | 62.095.426 |
| 27. Lợi nhuận hoạt động khác (54 = 52 - 53) | 54 | 535.262.126 | 530.026.276 | 5.235.850 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục 02: Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót theo kết quả Kiểm toán Nhà nước (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước | | Chênh lệch |
|--|-------|---|-----------------------|--------------------|
| | | Số điều chỉnh lại | | |
| 28. Lợi nhuận (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh | 55 | (3.528.518.603) | (3.528.518.603) | - |
| 29. Tổng lợi nhuận kế toán (55 = 45 + 51 + 54) | 56 | 58.236.227.268 | 57.205.492.581 | 1.030.734.687 |
| 30. Dự phòng đảm bảo cân đối | 58 | - | - | |
| 31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 60.1 | 15.499.096.029 | 15.210.490.317 | 288.605.712 |
| 32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 60.2 | | | |
| 33. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (61 = 55 - 58 - 60.1 - 60.2) | 61 | <u>42.737.131.239</u> | <u>41.995.002.264</u> | <u>742.128.975</u> |
| 34. Lợi ích của cổ đông thiểu số | 61.1 | 3.621.197 | 3.621.197 | - |
| 35. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | 61.2 | 39.204.991.439 | 38.462.862.464 | 742.128.975 |
| 36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 62 | <u>1.625</u> | <u>1.594</u> | <u>(31)</u> |

